



KPMG LLP

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thông tin chung**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán
Chứng chỉ Quỹ ra công chúng số**

02/GCN-UBCK

ngày 10 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra Công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập
Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở số**

11/GCN-UBCK

ngày 15 tháng 5 năm 2014

03/GCN-UBCK

ngày 2 tháng 4 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

Ban Đại Diện Quỹ

Ông Trần Phát Minh

Chủ tịch

Ông Cung Trần Việt

Thành viên

Ông Huỳnh Richard Lê Minh

Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

– Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Trụ sở đăng ký

Tầng 5, Tòa nhà HM

412 Nguyễn Thị Minh Khai

Phường 5, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Tôi, Cung Trần Việt, Thành viên Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu tư của Quỹ đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Cung Trần Việt
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

111
H
N
K
/11/

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”), Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở (“Thông tư 181”), các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, Thông tư 181, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt



Ông Phạm Pho Hốp
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt **Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“VCAMBF” hoặc “Quỹ”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Quỹ tính đến kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 40,26% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu (bao gồm cả là cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản có thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống (“Top-Down Approach”), trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên (“Bottom-Up Approach”) trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao)

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ là ngày 15 tháng 5 năm 2014.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 117.220.725.865 VND.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành: 7.071.151,75 Chứng chỉ Quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ (tại thời điểm báo cáo)

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 3.500 VND/Chứng chỉ Quỹ.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản Quỹ

| Cơ cấu tài sản Quỹ | 31/12/2021 (%) | 31/12/2020 (%) | 31/12/2019 (%) |
|-------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| 1. Danh mục chứng khoán | 65,76 | 61,68 | 62,74 |
| 2. Tài sản khác | 34,24 | 38,32 | 37,26 |
| Cộng | 100,00 | 100,00 | 100,00 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 | 31/12/2020 | 31/12/2019 |
|---|-----------------|----------------|----------------|
| 2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND) | 117.220.725.865 | 83.573.284.315 | 75.406.769.302 |
| 2.2. Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (CCQ) | 7.071.151,75 | 6.512.955,34 | 6.327.132,85 |
| 2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ (VND/CCQ) | 16.577,32 | 12.831,85 | 11.918,00 |
| 2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 16.759,48 | 12.831,85 | 12.502,11 |
| 2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | 12.492,76 | 9.683,33 | 11.489,70 |
| 2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ) | Không áp dụng | Không áp dụng | Không áp dụng |
| 2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 29,19% | 7,67% | 1,41% |
| 2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | (84,10%) | 2.574,55% | 92,62% |
| 2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 113,28% | (2.566,88%) | (91,20%) |
| 2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | 500 | 500 | 500 |
| 2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | 436 | 452 | 497 |
| 2.12. Ngày chót quyền (Ex-date of distribution) | 7/10/2021 | 29/10/2020 | 22/11/2019 |
| 2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1,82% | 2,15% | 2,07% |
| 2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 1,13 | 1,23 | 0,87 |

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

| Giai đoạn | Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ | Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm |
|--------------------|------------------------------|------------------------------|
| - 1 năm | 29,19% | 29,19% |
| - 3 năm | 41,06% | 74,33% |
| - Từ khi thành lập | 65,77% | 94,66% |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

4. Tăng trưởng hàng năm

| Năm kết thúc ngày | 31/12/2021 | 31/12/2020 | 31/12/2019 |
|------------------------------------|------------|------------|------------|
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 29,19% | 7,67% | 1,41% |

III. Mô tả thị trường trong năm

GDP Quý IV năm 2021 “đảo chiều”, cả năm tăng nhẹ

- Sau khi nới lỏng các biện pháp phòng dịch từ đầu tháng 10/2021, GDP cả nước quý IV hồi phục đáng kể với mức tăng 5,22% so với cùng kỳ năm trước từ mức tăng trưởng âm 6,17% của Quý III/2021, đưa GDP cả năm 2021 tăng 2,58%.
- Trong mức tăng trưởng chung của nền kinh tế, công nghiệp và xây dựng cùng với khu vực dịch vụ quay lại tăng trưởng dương lần lượt 5,61% và 5,42% sau khi quý III giảm 5,02% và 9,28%. Đối với ngành dịch vụ, đây là mức tăng trưởng quý cao nhất kể từ khi đại dịch Covid 19 bắt đầu, tức Quý I năm 2020. Cả năm 2021 tăng trưởng của hai khu vực này đạt 4,05% và 1,22%.
- Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục là bộ đỡ cho nền kinh tế trong cả năm 2021 với tăng trưởng 3,16% trong quý IV và 2,9% cho cả năm, đưa giá trị xuất khẩu ngành đạt mức cao kỷ lục trên 48,6 tỷ USD.
- Lạm phát được kiểm soát tốt trong năm 2021 với lạm phát bình quân ở mức 1,8%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu của Chính phủ (4,0%) và tiếp tục duy trì trong tháng 1 năm 2022 (1,9%).
- Sự đảo chiều ấn tượng của GDP trong quý IV/2021 được trợ lực mạnh mẽ từ cầu tín dụng bật tăng trên nền lãi suất thấp và các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp. Tính đến thời điểm 31/12/2021, tăng trưởng tín dụng đạt 13,53%, và được kỳ vọng mức 13% - 14% trong năm 2022.

Xuất khẩu tăng trưởng ngoạn mục

- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa 2021 đạt hơn 660 tỷ USD (tăng trưởng 22,6% so với cùng kỳ năm trước), xuất khẩu đạt 336,3 tỷ USD (tăng 19% so với cùng kỳ năm trước), và nhập khẩu đạt 332,3 tỷ USD (tăng 26,5% so với cùng kỳ năm trước), mức cao kỷ lục từ trước đến nay bất chấp đợt dịch lần thứ 4 gây ra tác động tiêu cực.
- Xuất siêu cả năm đạt 4 tỷ USD sau 5 tháng nhập siêu liên tiếp từ tháng 4 đến tháng 8/2021.
- Sự gia tăng này vẫn tiếp tục trong tháng 1/2022 với xuất khẩu đạt 30,84 tỷ USD (tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước). Nhập khẩu đạt 29,45 tỷ USD (tăng 11,3% so với cùng kỳ năm trước), và xuất siêu đạt 1,39 tỷ USD.
- Các hiệp định thương mại tự do đem lại kết quả khả quan, đặc biệt hiệp định hợp tác với EU đã thúc đẩy kim ngạch xuất khẩu lần đầu tiên đạt mức 23 tỷ USD (tăng 12,1% so với năm trước).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Thu hút FDI vượt mốc 31 tỷ USD

- So với kết quả dự báo đầu năm 2021 ở mức 28-30 tỷ USD, nguồn vốn FDI đạt kết quả khả quan với tốc độ tăng trưởng tốt với 9,2%, vượt mốc 31 tỷ USD. Điểm nhấn thuộc về các dự án điều chỉnh vốn đạt trên 9 tỷ USD, tăng 40,5% so với cùng kỳ năm trước.
- Mặc dù giãn cách xã hội kéo dài trong Quý II và Quý III, tiến độ giải ngân FDI vẫn duy trì với 19,74 tỷ USD, chỉ giảm 1,2% so với 2020. Đặc biệt, ngay sau khi nới lỏng các biện pháp giãn cách, việc giải ngân đã được thúc đẩy mạnh mẽ với 6,46 tỷ USD trong Quý IV - cao nhất trong năm và tăng 60% so với quý trước đó.

Tỷ giá ổn định, lãi suất thấp kỷ lục

- Tỷ giá được giữ ổn định trong phần lớn thời gian của năm 2021, được hỗ trợ bởi các yếu tố: (1) áp lực lạm phát thấp; (2) chênh lệch lớn về lãi suất huy động giữa VND và USD; (3) dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vẫn được duy trì khá ổn định cùng với lượng kiều hối tích cực; (4) dự trữ ngoại hối quốc gia tiếp tục được củng cố.
- Tuy vậy, giai đoạn nửa cuối Quý IV/2021 bất ngờ chứng kiến sự mất giá của VND gần 1% do tác động từ thị trường quốc tế, đặc biệt động thái từ FED trong việc tăng lãi suất vào đầu năm 2022, nhu cầu thanh toán theo yếu tố mùa vụ.
- Mặt bằng lãi suất tiếp tục được duy trì ở mức thấp nhất trong vòng 20 năm qua, nhằm mục tiêu hỗ trợ cho quá trình phục hồi kinh tế sau đại dịch. Cụ thể, Ngân hàng Nhà nước đã giảm 0,6% - 1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên (hiện ở mức 4,5%/năm).
- Lãi suất có dấu hiệu tăng nhẹ trở lại vào đầu năm 2022 do nhu cầu huy động vốn cao nhằm đẩy mạnh tín dụng và cạnh tranh với các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán.

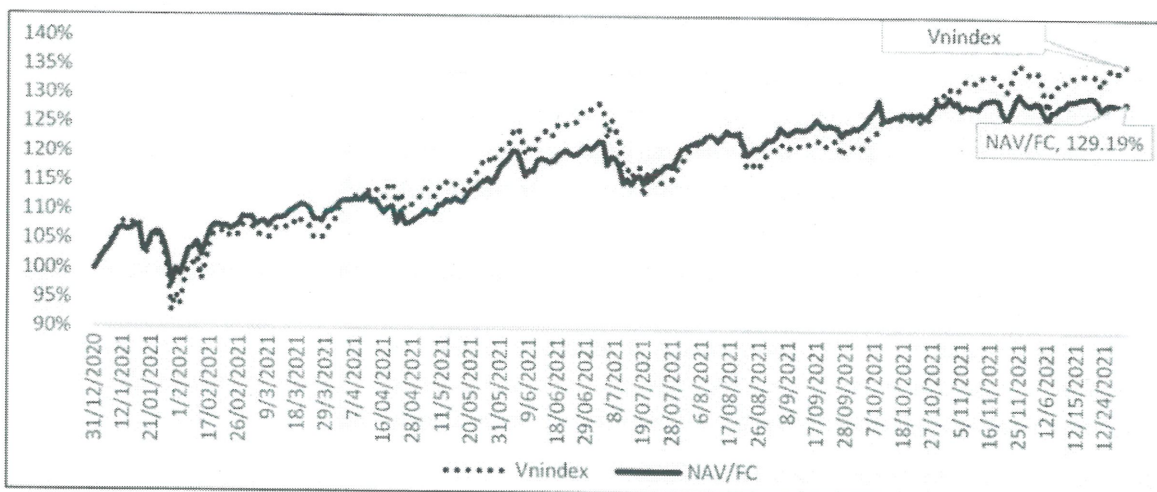
IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:

4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo |
|--|-----------------------------|---|--|
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 113,28% | -562,75% | 359,98% |
| Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ | -84,10% | 603,82% | -294,21% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 29,19% | 41,06% | 65,77% |
| Tăng trưởng hàng năm(%) /1 đơn vị CCQ | 29,19% | 74,33% | 94,66% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong năm 2021:



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

| Chỉ tiêu | 31/12/2021 VND | 31/12/2020 VND | Tỷ lệ thay đổi % |
|--|-------------------|-------------------|---------------------|
| A | 1 | 2 | $3 = ((1)-(2))/(2)$ |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 117.220.725.865 | 83.573.284.315 | 40,26% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ | 16.577,32 | 12.831,85 | 29,19% |

Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ tăng nhẹ hơn giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ.

4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại ngày 31/12/2021

| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ Quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ % |
|---------------------------|--------------------------------|---|--------------------|
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5.000 | 128 | 110.771,43 | 1,57% |
| Từ 5.000 đến dưới 10.000 | 15 | 127.986,40 | 1,81% |
| Từ 10.000 đến dưới 50.000 | 9 | 158.329,08 | 2,24% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 4 | 694.531,40 | 9,82% |
| Trên 500.000 | 1 | 5.979.533,44 | 84,56% |
| Tổng cộng | 157 | 7.071.151,75 | 100% |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

5. Chi phí ngầm và giảm giá

Quỹ không có chi phí ngầm và chính sách giảm giá.

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Các yếu tố sẽ tác động thị trường trong năm 2022

Thế giới

- Biến chủng Covid mới làm gián đoạn quá trình phục hồi kinh tế;
- Định hướng chính sách tiền tệ phân hóa giữa các quốc gia;
- Lạm phát kéo dài xuất phát từ vấn đề gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu;
- Khả năng FED bắt đầu tăng lãi suất sớm hơn dự kiến vào tháng 3/2022.

Trong nước

- Tăng trưởng kinh tế hồi phục trong trạng thái “bình thường mới” với tốc độ tiềm chủng bổ sung được đẩy nhanh;
- Gói hỗ trợ phục hồi kinh tế được thông qua vào đầu năm 2022;
- Kết quả kinh doanh Quý I/2022 của một số ngành (như ngân hàng, nguyên vật liệu...) có thể chịu tác động kém tích cực trên nền so sánh cao của cùng kỳ 2021.

Nhận định diễn biến thị trường năm 2022

Duy trì quan điểm “Lạc quan thận trọng” đối với thị trường năm 2022 trước các rủi ro về lạm phát và VNIndex đã đi qua vùng định giá “quá rẻ”. Do đó, ưu tiên nắm giữ đối với các nhóm cổ phiếu phòng thủ, hưởng lợi từ xu hướng giá hàng hóa tăng cao và chủ trương đẩy mạnh đầu tư công của Chính phủ, nhóm cổ phiếu có lợi suất cổ tức hấp dẫn và nhóm các cổ phiếu với triển vọng hồi phục mạnh mẽ sau đại dịch như dịch vụ bán lẻ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

VI. Thông tin khác

1. Nhân sự điều hành Quỹ

| Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|---------------------------------|--|---|--|
| Ông Phạm Phò Hop (Phạm Hòp Phó) | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Điều hành | Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ. Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ. | Ông Phó hiện là Tổng Giám Đốc của VCAM. Trước khi gia nhập VCAM, ông Phó giữ chức vụ Phó Chủ Tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net, chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn, cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhạcCuatui.com, Webtretho.com... Trước đó ông có 5 năm là Cố vấn cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ. |
| Bà Trương Thị Thanh Ngọc | Giám Đốc Quỹ | Cử nhân Tài chính Tín dụng tại trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh Cao học Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Bolton, UK | Gia nhập VCAM từ năm 2017, bà Thanh Ngọc phụ trách việc phân tích và nghiên cứu đầu tư của Quỹ. Bà Thanh Ngọc có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng với các vị trí Trưởng bộ phận Giám sát tại Ban Kiểm soát nội bộ thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB); sau đó là Trưởng bộ phận Phân tích và Kế hoạch thuộc Khối Chiến lược Phát triển của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK). Tại đây, bà phụ trách các hoạt động về nghiên cứu thị trường, đánh giá hiệu quả hoạt động của các ngân hàng, nhằm xây dựng mục tiêu và kế hoạch tăng trưởng với sự tư vấn của các Chuyên gia Cấp cao đến từ Ngân hàng Maybank, Malaysia – Cổ đồng chiến lược của ABBANK. |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

2. Ban Đại diện Quỹ

| Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|---------------------------|-----------------------------|---|--|
| Ông Trần Phát Minh | Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ | Cử nhân ngành Tài chính Kế toán Doanh nghiệp tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Chứng khoán Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Kiên Long. |
| Ông Cung Trần Việt | Thành viên Ban Đại diện Quỹ | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ) | Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Giám đốc Điều hành của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông đã là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. |
| Ông Huỳnh Richard Lê Minh | Thành viên Ban Đại diện Quỹ | Cử nhân Thương mại của Curtin University of Westen Australia Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia) | Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam, và Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“VCSC”). |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

| Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|-----------------------|----------------------------|---|--|
| Bà Nguyễn Thanh Phụng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | <p>Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)</p> <p>Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ</p> | <p>Bà Nguyễn Thanh Phụng là thành viên sáng lập của VCAM và VCSC. Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và VCSC kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Viet Capital Bank”) (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), bà Phụng được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị của ngân hàng này từ tháng 2 năm 2012. Trong vai trò thành viên Hội đồng Quản trị, bà Phụng chịu trách nhiệm về định hướng tầm nhìn, quản trị chiến lược, hỗ trợ Ban Điều hành với mục tiêu đưa Viet Capital Bank trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường.</p> <p>Bà Phụng từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập VCAM, Bà giữ vai trò Giám đốc đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán Luân Đôn.</p> |

ĐK. / T. S. / V. AM

11/01/2015/1311

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

| Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|--------------------|---|--|---|
| Ông Cung Trần Việt | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc | <p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney</p> <p>Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)</p> | <p>Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM và hiện là Giám đốc Điều hành của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông đã là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, ông là giảng viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh Tế, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty Tư vấn PSV, ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.</p> |
| Ông Phạm Gia Tuấn | Thành viên Hội đồng quản trị | <p>Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia)</p> <p>Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (FCPA Australia)</p> | <p>Ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Trước khi gia nhập VCAM, ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.</p> <p>Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Vietnam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.</p> |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

| Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|-------------------------------------|-------------------------------------|--|--|
| <p>Ông Nguyễn Hoàng Bảo (Henry)</p> | <p>Thành viên Hội đồng quản trị</p> | <p>Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard</p> <p>Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern</p> <p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management – Hoa Kỳ</p> | <p>Ông Bảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Quỹ đầu tư IDG Ventures tại Việt Nam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, truyền thông và công nghệ kể từ năm 2004. Trước khi gia nhập IDG Ventures Vietnam, ông từng là cộng sự nghiên cứu của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs tại New York. Ông cũng là một trong các thành viên sáng lập S2S Medical Publishing và trang web Medschool.com. Ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald’s tại Việt Nam.</p> <p>Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, là thành viên của Hiệp hội Asia Society. Ông còn là thành viên Hội đồng quản trị của Trường Đại học Anh Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười Operation Smile Vietnam và là thành viên của Hiệp hội Thương mại Amcham tại Việt Nam. Ông Henry giữ chức vụ điều hành của Tập đoàn VC, Công ty cổ phần Vật Giá, Công ty cổ phần Truyền thông trực tuyến VTC, Tập đoàn Công nghệ Vega, VinaPay và Công ty cổ phần Truyền thông Mặt Trời Vàng.</p> |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)

| Tên | Chức vụ | Bằng cấp | Quá trình công tác |
|---------------------------------|--|---|--|
| Ông Phạm Pho Hop (Phạm Hop Phó) | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Điều hành | Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ. Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ. | Ông Phó có 11 năm kinh nghiệm làm việc tại quỹ đầu tư mạo hiểm tại Việt Nam. Trước khi gia nhập VCAM, ông Phó giữ chức vụ Phó Chủ Tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017). thành viên sáng lập muaban.net. chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn, cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhạcCuatui.com, Webtretho.com... Trước đó ông có 5 năm là Cố vấn cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam Cali, Hoa Kỳ. |

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt



Ông Phạm Pho Hop
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022





Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt
Báo cáo của Ngân hàng giám sát

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản, Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc lưu ký tài sản của Quỹ VCAMBF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ VCAMBF đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Ngày 25/10/2021, VCAMBF thực hiện chi trả lợi tức cho Nhà đầu tư với tổng số tiền: 3,349,604,890 VNĐ. Công ty QLQ giữ lại thuế thu nhập trước khi chi trả cho nhà đầu tư với số tiền là: 427,487,952 VNĐ. Tuy nhiên, có 04 trường hợp NĐT chưa nhận được tiền lợi tức do có sự thay đổi thông tin tài khoản ngân hàng nhận, VCAM đã liên hệ và không nhận được phản hồi của nhà đầu tư về thông tin tài khoản mới.



Ông Hoàng Văn Sơn
Phó Giám đốc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt
Nam CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Nguyễn Thị Song Hoanh
Phó trưởng Phòng Phòng Định chế
tài chính và Lưu ký chứng khoán



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch Chứng chỉ Quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 20 đến trang 69.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00363-22-1




Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2022

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo thu nhập cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B01 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 2021 VND | 2020 VND |
|-------------|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| I | THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | 01 | | 30.315.204.423 | 10.868.378.404 |
| 1.1 | Cổ tức được chia | 02 | 13 | 1.744.027.794 | 1.337.537.330 |
| 1.2 | Tiền lãi được nhận | 03 | 13 | 1.074.305.829 | 1.641.217.074 |
| 1.3 | Lãi bán các khoản đầu tư | 04 | 14 | 16.082.336.009 | 6.056.266.840 |
| 1.4 | Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 05 | 15 | 11.414.534.791 | 1.833.357.160 |
| II | CHI PHÍ ĐẦU TƯ | 10 | | 324.576.718 | 253.679.942 |
| 2.1 | Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư | 11 | 16 | 324.576.718 | 253.679.942 |
| III | CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ | 20 | | 1.841.530.987 | 1.554.574.599 |
| 3.1 | Giá dịch vụ quản lý Quỹ | 20.1 | 20 | 906.572.973 | 651.608.483 |
| 3.2 | Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ | 20.2 | 17 | 317.043.180 | 300.699.365 |
| 3.3 | Giá dịch vụ giám sát | 20.3 | 20 | 66.000.000 | 66.000.000 |
| 3.4 | Giá dịch vụ quản trị Quỹ | 20.4 | 20 | 198.000.000 | 198.000.000 |
| 3.5 | Giá dịch vụ Đại lý chuyên nhượng | 20.5 | | 133.100.000 | 132.000.000 |
| 3.8 | Chi phí kiểm toán | 20.8 | | 135.000.000 | 120.000.000 |
| 3.10 | Chi phí hoạt động khác | 20.10 | 18 | 85.814.834 | 86.266.751 |
| IV | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20) | 23 | | 28.149.096.718 | 9.060.123.863 |
| VI | TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRONG NĂM (30 = 23) | 30 | | 28.149.096.718 | 9.060.123.863 |
| 6.1 | Lợi nhuận đã thực hiện | 31 | | 16.734.561.927 | 7.226.766.703 |
| 6.2 | Lợi nhuận chưa thực hiện | 32 | | 11.414.534.791 | 1.833.357.160 |
| VIII | LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30) | 41 | | 28.149.096.718 | 9.060.123.863 |

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng

Ông Phạm Pho Hop
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B02 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 31/12/2020 VND |
|-----------|---|------------|-------------|------------------------|-----------------------|
| I | TÀI SẢN | | | | |
| 1 | Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 22.891.611.972 | 18.960.573.251 |
| 1.1 | Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ | 111 | | 5.656.890.237 | 9.039.602.490 |
| 1.2 | Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng | 112 | | 17.234.721.735 | 9.920.970.761 |
| 2 | Các khoản đầu tư thuần | 120 | | 92.688.070.600 | 64.633.987.913 |
| 2.1 | Các khoản đầu tư | 121 | 5 | 92.688.070.600 | 64.633.987.913 |
| 3 | Các khoản phải thu | 130 | | 3.163.830.187 | 4.145.367.760 |
| 3.1 | Phải thu về bán các khoản đầu tư | 131 | 6 | 2.501.342.350 | 3.938.866.824 |
| 3.2 | Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 133 | 7 | 662.487.837 | 206.500.936 |
| 3.2.2 | <i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i> | 136 | | 662.487.837 | 206.500.936 |
| | TỔNG TÀI SẢN (100 = 110 + 120 + 130) | 100 | | 118.743.512.759 | 87.739.928.924 |
| II | NỢ PHẢI TRẢ | | | | |
| 2 | Phải trả về mua các khoản đầu tư | 312 | 8 | 649.873.350 | 3.961.533.400 |
| 3 | Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ | 313 | | 10.308.570 | 292.854 |
| 4 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | | 1.270.463 | 658.571 |
| 5 | Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư | 315 | | 407.334 | 325.356 |
| 6 | Chi phí phải trả | 316 | 9 | 96.200.000 | 86.200.000 |
| 7 | Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ | 317 | | 4.000.000 | - |
| 8 | Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ | 318 | | 617.248.553 | - |
| 9 | Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ | 319 | 10 | 143.478.624 | 117.634.428 |
| | TỔNG NỢ PHẢI TRẢ (300 = 312 + 313 + 314 + 315 + 316 + 317 + 318 + 319) | 300 | | 1.522.786.894 | 4.166.644.609 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B02 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| STT | Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2021 VND | 31/12/2020 VND |
|------------|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| III | GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300) | 400 | | 117.220.725.865 | 83.573.284.315 |
| 1 | Vốn góp của Nhà đầu tư | 411 | 11 | 70.711.517.552 | 65.129.553.452 |
| 1.1 | Vốn góp phát hành | 412 | | 88.776.513.852 | 72.541.735.052 |
| 1.2 | Vốn góp mua lại | 413 | | (18.064.996.300) | (7.412.181.600) |
| 2 | Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư | 414 | 11 | 4.541.614.683 | 1.275.629.061 |
| 3 | Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | 12 | 41.967.593.630 | 17.168.101.802 |
| IV | GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ | 430 | 11 | 16.577,32 | 12.831,85 |
| V | LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ | 440 | | | |
| 1 | Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm | 441 | | 3.349.604.890 | 3.154.055.420 |
| 2 | Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này | 442 | | 21.452.073.549 | 18.102.468.659 |
| VI | CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH | | | 31/12/2021 CCQ | 31/12/2020 CCQ |
| 4 | Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành | 004 | 11 | 7.071.151,75 | 6.512.955,34 |

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng

Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ quỹ cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B03 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| STT | Chỉ tiêu | 2021 VND | 2020 VND |
|------------|---|------------------------|-----------------------|
| I | Giá trị tài sản ròng của Quỹ (“NAV”) đầu năm | 83.573.284.315 | 75.406.769.302 |
| II | Thay đổi NAV so với năm trước | 24.799.491.828 | 5.906.068.443 |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| II.1 | Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm | 28.149.096.718 | 9.060.123.863 |
| II.2 | Thay đổi NAV của Quỹ do phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư trong năm | (3.349.604.890) | (3.154.055.420) |
| III | Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ | 8.847.949.722 | 2.260.446.570 |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| III.1 | Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ | 26.301.224.524 | 2.731.681.777 |
| III.2 | Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ Quỹ | (17.453.274.802) | (471.235.207) |
| IV | Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối năm (IV = I + II + III) | 117.220.725.865 | 83.573.284.315 |

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng



Ông Phạm Pho Hốp
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B04 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

| STT | Loại tài sản | Số lượng | Giá thị trường tại ngày 31/12/2021 VND/cổ phiếu | Tổng giá trị tại ngày 31/12/2021 VND | Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ % |
|------------|---------------------------------|------------------|--|---|--|
| I | Mã cổ phiếu niêm yết | | | | |
| 1 | FPT | 160.095 | 93.000 | 14.888.835.000 | 12,54% |
| 2 | CKG | 155.000 | 37.400 | 5.797.000.000 | 4,88% |
| 3 | ACB | 80.000 | 34.500 | 2.760.000.000 | 2,32% |
| 4 | BMI | 50.000 | 43.600 | 2.180.000.000 | 1,84% |
| 5 | BVH | 40.000 | 56.000 | 2.240.000.000 | 1,89% |
| 6 | CTG | 101.336 | 33.900 | 3.435.290.400 | 2,89% |
| 7 | HVN | 40.000 | 23.150 | 926.000.000 | 0,78% |
| 8 | HPG | 80.000 | 46.400 | 3.712.000.000 | 3,13% |
| 9 | LPB | 20.000 | 22.300 | 446.000.000 | 0,38% |
| 10 | MBB | 132.247 | 28.900 | 3.821.938.300 | 3,22% |
| 11 | MSN | 17.000 | 171.000 | 2.907.000.000 | 2,45% |
| 12 | NAF | 100.000 | 24.300 | 2.430.000.000 | 2,05% |
| 13 | NLG | 70.037 | 64.200 | 4.496.375.400 | 3,79% |
| 14 | POW | 50.000 | 17.500 | 875.000.000 | 0,74% |
| 15 | STB | 110.000 | 31.500 | 3.465.000.000 | 2,92% |
| 16 | TPB | 50.000 | 41.050 | 2.052.500.000 | 1,73% |
| 17 | VNM | 51.000 | 86.400 | 4.406.400.000 | 3,71% |
| 18 | VRE | 100.000 | 30.100 | 3.010.000.000 | 2,53% |
| 19 | VC2 | 40.000 | 65.000 | 2.600.000.000 | 2,19% |
| 20 | MML | 60.200 | 77.000 | 4.635.400.000 | 3,90% |
| | | 1.506.915 | | 71.084.739.100 | 59,88% |
| III | Trái phiếu chưa niêm yết | | | | |
| 1 | VCIH2123003 | 70 | 100.000.000 | 7.000.000.000 | 5,89% |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B04 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| STT | Loại tài sản | Tổng giá trị tại ngày 31/12/2021 VND | Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ % |
|------------|--|---|--|
| V | Các tài sản khác | | |
| 1 | Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt ▪ Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh | 9.559.221.911 | 8,05% |
| 2 | Phải thu về bán các khoản đầu tư | 5.044.109.589 | 4,25% |
| 3 | Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 2.501.342.350 | 2,10% |
| | | 662.487.837 | 0,56% |
| | | 17.767.161.687 | 14,96% |
| VI | Tiền | | |
| 1 | Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền <ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa ▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt | 5.656.890.237 | 4,76% |
| | | 17.234.721.735 | 14,51% |
| | | 22.891.611.972 | 19,27% |
| VII | Tổng giá trị danh mục | 118.743.512.759 | 100,00% |

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng

Ông Phạm Phò Hốp
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B05 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 2021 VND | 2020 VND |
|---|-----------|-------------|-------------------------|------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 28.149.096.718 | 9.060.123.863 |
| Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư | 02 | | (11.414.534.791) | (1.833.357.160) |
| Chênh lệch tăng thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 03 | | (11.414.534.791) | (1.833.357.160) |
| Lãi từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động | 05 | | 16.734.561.927 | 7.226.766.703 |
| (Tăng) các khoản đầu tư | 20 | | (16.639.547.896) | (2.699.557.567) |
| Giảm/(tăng) phải thu về bán các khoản đầu tư | 06 | | 1.437.524.474 | (3.938.866.824) |
| (Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 07 | | (455.986.901) | 744.946.792 |
| (Giảm)/tăng phải trả về mua các khoản đầu tư | 10 | | (3.311.660.050) | 3.844.558.200 |
| Tăng/(giảm) phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ | 11 | | 10.015.716 | (13.674.933) |
| Tăng phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư | 12 | | 81.978 | 198.978 |
| Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13 | | 611.892 | (34.401) |
| Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ | 14 | | 4.000.000 | - |
| Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ | 15 | | 617.248.553 | - |
| Tăng phải trả, phải nộp khác | 16 | | 10.000.000 | 5.000.000 |
| Tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ | 17 | | 25.844.196 | 50.480.713 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 19 | | (1.567.306.111) | 5.219.817.661 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ | 31 | 11 | 26.301.224.524 | 2.731.681.777 |
| Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ | 32 | 11 | (17.453.274.802) | (471.235.207) |
| Tiền chi trả cổ tức, tiền lãi cho Nhà đầu tư | 35 | | (3.349.604.890) | (3.154.055.420) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 30 | | 5.498.344.832 | (893.608.850) |
| Tăng/(giảm) tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm | 40 | | 3.931.038.721 | 4.326.208.811 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B05 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | 2021 VND | 2020 VND |
|--|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 50 | 4 | 18.960.573.251 | 14.634.364.440 |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm | 51 | | 18.960.573.251 | 14.634.364.440 |
| - Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ | 52 | | 9.039.602.490 | 4.322.206.226 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng | 52 | | 9.920.970.761 | 10.312.158.214 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 55 | 4 | 22.891.611.972 | 18.960.573.251 |
| Tiền gửi ngân hàng cuối năm | 56 | | 22.891.611.972 | 18.960.573.251 |
| - Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ | 57 | | 5.656.890.237 | 9.039.602.490 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng | 57 | | 17.234.721.735 | 9.920.970.761 |
| Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm | 60 | | 3.931.038.721 | 4.326.208.811 |

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Trần Đỗ Quyên
 Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều
 Kế toán trưởng




Ông Phạm Phò Hốp
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014, điều chỉnh một lần theo Giấy Chứng nhận về việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng số 03/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 4 năm 2019. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương đương với 5.431.408,95 Chứng chỉ Quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch thông qua các Đại lý phân phối.

Chứng chỉ Quỹ đã được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 VND, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ Quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành tháng 12 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất (lần 7) vào tháng 4 năm 2021.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Tầng 5, Tòa nhà HM, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- (i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- (ii) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- (iv) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ; phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- (v) Quỹ không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- (vi) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức và có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- (vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (viii) Quỹ không được đầu tư vào chính Chứng chỉ Quỹ của Quỹ;
- (ix) Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (x) Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (xi) Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành;

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã nêu trên tại các tiêu chí (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (ix) và chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Kỳ xác định giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào thứ sáu (“ngày định giá”) theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ. Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của Nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ cũng xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho Quỹ mở.

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là ngày thứ sáu hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Trong trường hợp ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ rơi vào ngày nghỉ lễ thì hoạt động giao dịch được chuyển sang ngày thứ sáu tuần kế tiếp. Tần suất giao dịch của Chứng chỉ Quỹ không ít hơn hai (02) lần trong một tháng. Trong trường hợp do ngày nghỉ lễ khiến cho số ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ ít hơn (02) lần trong một tháng, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù trước ít nhất một (01) tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”), Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở (“Thông tư 181”), các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày tại Thuyết minh 3(b), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Hình thức sổ kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(f) Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 98/2020/TT-BTC (“Thông tư 98”) thay thế Thông tư số 183/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 12 năm 2011 về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở (“Thông tư 183”) và Thông tư số 15/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 1 năm 2016 của về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183. Thông tư 98 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2021.

Những thay đổi đối với chính sách kế toán của Quỹ do việc áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 98 và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày tại Thuyết minh 3(b) của báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại ngân hàng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp xác định giá trị được nêu tại Thuyết minh 3(b)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong năm.

(i) Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

(ii) Ghi nhận

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch, là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua khoản đầu tư đó.

120
HN
NG
KF
PHC

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(iii) Xác định giá trị

Theo Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo Điều lệ Quỹ như sau:

Trái phiếu

▪ Trái phiếu niêm yết:

Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ chọn một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

▪ Trái phiếu không niêm yết:

Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cưỡng phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc Công ty Quản lý Quỹ chọn một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

Cổ phiếu

▪ Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán các công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCOM”):

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch:
Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu của các công ty này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc
- Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách.

- Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách.

- Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:

Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá trị sổ sách; hoặc
- Mệnh giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản:

Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Quyền mua chứng khoán

Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo thu nhập tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ, phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(e) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(f) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Theo quy định của Thông tư 98, quỹ mở không được cho vay (ngoại trừ trường hợp đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu).

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(g) Thuế

Giao dịch trả lợi tức cho Nhà đầu tư

Việc chi trả lợi tức của Quỹ cho các nhà đầu tư cần đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính, theo đó lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.

Khi Quỹ trả lợi tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 96”) và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia lợi tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả lợi tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả lợi tức cho Nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối.

Giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(h) Các giao dịch về vốn, thặng dư vốn và lợi nhuận chưa phân phối

(i) *Vốn góp của Nhà đầu tư*

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

(ii) *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư*

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng và mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

(iii) *Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối*

Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện.

Lỗ/lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lỗ/lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào “Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

(iv) *Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư*

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(i) Chứng chỉ Quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ mở

Chứng chỉ Quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các Chứng chỉ Quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi Chứng chỉ Quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ đồng thời cũng phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại Chứng chỉ Quỹ dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ Quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi tức của Quỹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà lợi tức được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

(j) Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

(k) Chi phí

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm chi trả.

(l) Giá trị tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

(m) Báo cáo bộ phận

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ được xem là các bên liên quan của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán.

(o) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng sau đây:

| | 31/12/2021 VND | 31/12/2020 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ | | |
| ▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (*) | 5.656.890.237 | 9.039.602.490 |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng | | |
| ▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt | 17.234.721.735 | 9.920.970.761 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 22.891.611.972 | 18.960.573.251 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm là 3,90% (31/12/2020: 3,90%).

- (*) Bao gồm trong khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoản tiền nhà đầu tư nộp vào để mua Chứng chỉ quỹ với số tiền là 4.000.000 VND (31/12/2020: không).

Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư

Tất cả các công ty được Quý đầu tư như được liệt kê trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quý không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quý đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(b), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư tại các ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

| | Giá mua | | Giá trị trường | | Chênh lệch do đánh giá lại trong năm | | Giá trị đánh giá lại VND |
|---------------------------------------|----------------|----------------|----------------|-----------------|--------------------------------------|--|-----------------------------|
| | VND [1] | VND [2] | VND [3] | VND [4] | VND [5]=[1]+[3]+[4] | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | | | | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 54.205.944.629 | 71.084.739.100 | 18.314.076.920 | (1.435.282.449) | 71.084.739.100 | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng | 14.603.331.500 | 14.603.331.500 | - | - | 14.603.331.500 | | |
| Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | - | - | 7.000.000.000 | | |
| | 75.809.276.129 | 92.688.070.600 | 18.314.076.920 | (1.435.282.449) | 92.688.070.600 | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | | | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 43.633.088.320 | 49.097.348.000 | 5.473.259.680 | (9.000.000) | 49.097.348.000 | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng | 10.519.708.406 | 10.519.708.406 | - | - | 10.519.708.406 | | |
| Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết | 5.016.931.507 | 5.016.931.507 | - | - | 5.016.931.507 | | |
| | 59.169.728.233 | 64.633.987.913 | 5.473.259.680 | (9.000.000) | 64.633.987.913 | | |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu về bán các khoản đầu tư

| | 31/12/2021 VND | 31/12/2020 VND |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Phải thu về bán các khoản đầu tư | 2.501.342.350 | 3.938.866.824 |

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (2) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (ngày T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

7. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư

| | 31/12/2021 VND | 31/12/2020 VND |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 283.391.640 | 126.240.028 |
| Dự thu cổ tức | 81.068.800 | 50.000.000 |
| Dự thu trái tức | 298.027.397 | 30.260.908 |
| | 662.487.837 | 206.500.936 |

8. Phải trả về mua các khoản đầu tư

| | 31/12/2021 VND | 31/12/2020 VND |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| Phải trả về mua các khoản đầu tư | 649.873.350 | 3.961.533.400 |

Số dư phải trả về mua các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí phải trả**

| | 31/12/2021 | 31/12/2020 |
|--------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Phí kiểm toán | 80.000.000 | 70.000.000 |
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ | 16.200.000 | 16.200.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 96.200.000 | 86.200.000 |
| | <hr/> | <hr/> |

10. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ

| | 31/12/2021 | 31/12/2020 |
|----------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Giá dịch vụ quản lý Quỹ | 89.532.424 | 62.264.313 |
| Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Giá dịch vụ quản trị Quỹ | 16.500.000 | 16.500.000 |
| Giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng | 11.000.000 | 11.000.000 |
| Giá dịch vụ giám sát Quỹ | 5.500.000 | 5.500.000 |
| Giá giao dịch chứng khoán | 946.200 | 2.370.115 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 143.478.624 | 117.634.428 |
| | <hr/> | <hr/> |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

11. Vốn góp của Nhà đầu tư

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương ứng với 5.431.408,95 Chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng Chứng chỉ Quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Biến động vốn góp trong năm như sau:

| | Đơn vị | Tại ngày 31/12/2020 VND | Phát sinh trong năm VND | Tại ngày 31/12/2021 VND |
|--|-------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Vốn góp phát hành | | | | |
| Số lượng (1) | CCQ | 7.254.173,50 | 1.623.477,88 | 8.877.651,38 |
| Giá trị ghi theo mệnh giá (2) | VND | 72.541.735.052 | 16.234.778.800 | 88.776.513.852 |
| Thặng dư vốn góp phát hành (3) | VND | 2.758.888.518 | 10.066.445.724 | 12.825.334.242 |
| Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3) | VND | 75.300.623.570 | 26.301.224.524 | 101.601.848.094 |
| Vốn góp mua lại | | | | |
| Số lượng (5) | CCQ | (741.218,16) | (1.065.281,47) | (1.806.499,63) |
| Giá trị ghi theo mệnh giá (6) | VND | (7.412.181.600) | (10.652.814.700) | (18.064.996.300) |
| Thặng dư vốn góp mua lại (7) | VND | (1.483.259.457) | (6.800.460.102) | (8.283.719.559) |
| Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ (8) = (6) + (7) | VND | (8.895.441.057) | (17.453.274.802) | (26.348.715.859) |
| Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5) | CCQ | 6.512.955,34 | 558.196,41 | 7.071.151,75 |
| Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6) | VND | 65.129.553.452 | 5.581.964.100 | 70.711.517.552 |
| Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7) | VND | 1.275.629.061 | 3.265.985.622 | 4.541.614.683 |
| Lợi nhuận chưa phân phối (12) | VND | 17.168.101.802 | 24.799.491.828 | 41.967.593.630 |
| NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12) | VND | 83.573.284.315 | | 117.220.725.865 |
| NAV hiện hành/1 Chứng chỉ Quỹ (14) = (13)/(9) | VND/ CCQ | 12.831,85 | | 16.577,32 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)***12. Lợi nhuận chưa phân phối**

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm | 17.168.101.802 | 11.262.033.359 |
| Lợi nhuận sau thuế trong năm | 28.149.096.718 | 9.060.123.863 |
| Trong đó | | |
| <i>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối</i> | <i>16.734.561.927</i> | <i>7.226.766.703</i> |
| <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i> | <i>11.414.534.791</i> | <i>1.833.357.160</i> |
| Chia cổ tức | (3.349.604.890) | (3.154.055.420) |
| Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm | 41.967.593.630 | 17.168.101.802 |

13. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận

| | 2021 VND | 2020 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Cổ tức và trái tức được chia trong năm | | |
| <i>Cổ tức phát sinh trong năm đã nhận</i> | <i>1.323.651.728</i> | <i>1.081.172.057</i> |
| <i>Tiền lãi trái phiếu đã nhận</i> | <i>41.279.869</i> | <i>176.104.365</i> |
| <i>Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận</i> | <i>81.068.800</i> | <i>50.000.000</i> |
| <i>Dự thu trái tức chưa đến ngày nhận</i> | <i>298.027.397</i> | <i>30.260.908</i> |
| | 1.744.027.794 | 1.337.537.330 |
| Tiền lãi được nhận trong năm | | |
| <i>Tiền lãi phát sinh trong năm đã nhận</i> | <i>790.914.189</i> | <i>1.514.977.046</i> |
| <i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i> | <i>283.391.640</i> | <i>126.240.028</i> |
| | 1.074.305.829 | 1.641.217.074 |
| | 2.818.333.623 | 2.978.754.404 |

Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

14. Lãi bán các khoản đầu tư

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| Danh mục các khoản đầu tư | Tổng giá trị bán VND [1] | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2] | Lãi bán chứng khoán trong năm kết thúc ngày 31/12/2021 VND [3] = [1] - [2] | Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2021 VND [4] = [3] + [5] | Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2020 VND [5] |
|---------------------------|--------------------------------|--|--|--|--|
| Cổ phiếu niêm yết | 111.246.974.700 | 95.164.638.691 | 16.082.336.009 | 39.082.803.139 | 23.000.467.130 |

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Danh mục các khoản đầu tư | Tổng giá trị bán VND [1] | Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2] | Lãi bán chứng khoán trong năm kết thúc ngày 31/12/2020 VND [3] = [1] - [2] | Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2020 VND [4] = [3] + [5] | Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2019 VND [5] |
|---------------------------|--------------------------------|--|---|--|--|
| Cổ phiếu niêm yết | 85.699.373.500 | 79.643.106.660 | 6.056.266.840 | 23.000.467.130 | 16.944.200.290 |

Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

15. Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm
2021

| Danh mục các khoản đầu tư | Giá trị mua theo sổ kế toán VND [1] | Giá trị trường tại ngày 31/12/2021 VND [2] | Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [3] = [2] - [1] | Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [4] | Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm kết thúc ngày 31/12/2021 VND [5] = [3] - [4] |
|---------------------------------------|--|--|--|--|---|
| Cổ phiếu niêm yết | 54.205.944.629 | 71.084.739.100 | 16.878.794.471 | 5.464.259.680 | 11.414.534.791 |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng | 14.603.331.500 | 14.603.331.500 | - | - | - |
| Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | - | - | - |
| | 75.809.276.129 | 92.688.070.600 | 16.878.794.471 | 5.464.259.680 | 11.414.534.791 |

Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | Giá trị mua theo số kế toán VND [1] | Giá trị trường tại ngày 31/12/2020 VND [2] | Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2020 VND [3] = [2] - [1] | Chênh lệch tăng đánh giá lại tại ngày 31/12/2019 VND [4] | Chênh lệch tăng đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong năm kết thúc ngày 31/12/2020 VND [5] = [3] - [4] |
|--|-------------------------------------|--|--|--|---|
| | | | | | |
| Danh mục các khoản đầu tư | | | | | |
| Cổ phiếu niêm yết | 43.633.088.320 | 49.097.348.000 | 5.464.259.680 | 3.630.902.520 | 1.833.357.160 |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng | 10.519.708.406 | 10.519.708.406 | - | - | - |
| Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết | 5.016.931.507 | 5.016.931.507 | - | - | - |
| | 59.169.728.233 | 64.633.987.913 | 5.464.259.680 | 3.630.902.520 | 1.833.357.160 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư

| | 2021 | 2020 |
|-------------------------------|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Chi phí môi giới bán cổ phiếu | 157.706.247 | 125.130.874 |
| Chi phí môi giới mua cổ phiếu | 166.870.471 | 128.549.068 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 324.576.718 | 253.679.942 |
| | <hr/> | <hr/> |

Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Trong năm, giao dịch của Quý được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

| STT | Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo | Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ | Tỷ lệ giao dịch của Quý qua từng công ty chứng khoán | | Phí giao dịch bình quân trên thị trường | | |
|-------------|--|---------------------------------|--|--|---|-------|-------------|
| | | | Giá trị giao dịch trong năm của Quý với từng công ty chứng khoán VND | Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quý qua công ty chứng khoán trong năm VND | | | |
| [1] | [2] | [3] | [4] | [5] | [6] = [4]/[5][%] | [7] | [8] |
| 1 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt | Không phải bên liên quan | 98.391.795.000 | 216.384.469.700 | 45,47% | 0,15% | 0,15%-0,50% |
| 2 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | Không phải bên liên quan | 49.407.105.000 | 216.384.469.700 | 22,83% | 0,15% | 0,15%-0,50% |
| 3 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công | Không phải bên liên quan | 63.488.824.700 | 216.384.469.700 | 29,34% | 0,15% | 0,15%-0,50% |
| 4 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt | Bên liên quan | 5.096.745.000 | 216.384.469.700 | 2,36% | 0,15% | 0,15%-0,50% |
| Tổng | | | 216.384.469.700 | 216.384.469.700 | 100,00% | | |

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quý.

Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

| STT | Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo [2] | Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ [3] | Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán | | Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm [6] = [4]/[5][%] | Phí giao dịch bình quân trên thị trường [8] |
|-----|--|-------------------------------------|--|--|--|---|
| | | | Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND [4] | Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VND [5] | | |
| 1 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn | Không phải bên liên quan | 80.060.202.000 | 169.119.948.500 | 47,34% | 0,15% 0,15%-0,50% |
| 2 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt | Không phải bên liên quan | 71.653.472.500 | 169.119.948.500 | 42,37% | 0,15% 0,15%-0,50% |
| 3 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt | Bên liên quan | 15.207.774.000 | 169.119.948.500 | 8,99% | 0,15% 0,15%-0,50% |
| 4 | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công | Không phải bên liên quan | 2.198.500.000 | 169.119.948.500 | 1,30% | 0,15% 0,15%-0,50% |
| | Tổng | | 169.119.948.500 | | 100,00% | |

(*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chi tiền gửi, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

17. Giá dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ

| | 2021 | 2020 |
|--|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát | 240.000.000 | 240.000.000 |
| Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ phải trả cho Ngân hàng Giám sát | 71.348.450 | 55.935.592 |
| Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán | 5.694.730 | 4.763.773 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 317.043.180 | 300.699.365 |
| | <hr/> | <hr/> |

18. Chi phí hoạt động khác

| | 2021 | 2020 |
|---|-------------|-------------|
| | VND | VND |
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước | 5.000.000 | 6.739.726 |
| Phí ngân hàng | 8.814.834 | 6.427.025 |
| Phí lập danh sách thực hiện quyền | - | 1.100.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 85.814.834 | 86.266.751 |
| | <hr/> | <hr/> |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

19. Giá trị tài sản ròng

| Kỳ | Tại ngày tính NAV | Năm kết thúc ngày 31/12/2021 | | | |
|----|-------------------|---|---|--|------------------------------------|
| | | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1] | Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ |
| | 31/12/2020 | 83.573.284.315 | 6.512.955,34 | 12.831,85 | |
| 1 | 07/01/2021 | 87.093.827.825 | 6.512.955,34 | 13.372,40 | 540,55 |
| 2 | 14/01/2021 | 89.223.812.785 | 6.512.955,34 | 13.699,44 | 327,04 |
| 3 | 21/01/2021 | 88.409.258.409 | 6.512.955,34 | 13.574,37 | (125,07) |
| 4 | 28/01/2021 | 81.364.786.962 | 6.512.955,34 | 12.492,76 | (1.081,61) |
| 5 | 31/01/2021 | 83.564.790.963 | 6.512.955,34 | 12.830,55 | 337,79 |
| 6 | 04/02/2021 | 86.600.450.992 | 6.512.955,34 | 13.296,64 | 466,09 |
| 7 | 11/02/2021 | 87.921.268.310 | 6.557.853,89 | 13.407,02 | 110,38 |
| 8 | 18/02/2021 | 90.435.792.713 | 6.557.853,89 | 13.790,46 | 383,44 |
| 9 | 25/02/2021 | 90.191.380.796 | 6.557.853,89 | 13.753,19 | (37,27) |
| 10 | 28/02/2021 | 90.518.588.110 | 6.557.853,89 | 13.803,08 | 49,89 |
| 11 | 04/03/2021 | 90.517.682.634 | 6.557.853,89 | 13.802,94 | (0,14) |
| 12 | 11/03/2021 | 92.016.491.664 | 6.593.896,93 | 13.954,80 | 151,86 |
| 13 | 18/03/2021 | 93.573.611.736 | 6.593.896,93 | 14.190,94 | 236,14 |
| 14 | 25/03/2021 | 91.845.368.971 | 6.628.954,50 | 13.855,18 | (335,76) |
| 15 | 31/03/2021 | 93.254.998.471 | 6.628.954,50 | 14.067,83 | 212,65 |
| 16 | 01/04/2021 | 94.561.167.720 | 6.628.954,50 | 14.264,87 | 197,04 |
| 17 | 08/04/2021 | 95.622.057.008 | 6.663.830,38 | 14.349,41 | 84,54 |
| 18 | 15/04/2021 | 94.657.450.391 | 6.663.830,38 | 14.204,66 | (144,75) |
| 19 | 22/04/2021 | 92.433.125.361 | 6.674.337,49 | 13.849,03 | (355,63) |
| 20 | 29/04/2021 | 93.241.112.277 | 6.674.337,49 | 13.970,09 | 121,06 |
| 21 | 30/04/2021 | 93.239.531.557 | 6.674.337,49 | 13.969,86 | (0,23) |
| 22 | 06/05/2021 | 93.922.315.187 | 6.674.337,49 | 14.072,16 | 102,30 |
| 23 | 13/05/2021 | 95.725.340.898 | 6.682.530,41 | 14.324,71 | 252,55 |
| 24 | 20/05/2021 | 97.626.341.244 | 6.691.671,39 | 14.589,23 | 264,52 |
| 25 | 27/05/2021 | 98.709.387.340 | 6.695.433,06 | 14.742,79 | 153,56 |
| 26 | 31/05/2021 | 100.552.618.925 | 6.662.075,61 | 15.093,29 | 350,50 |
| 27 | 03/06/2021 | 102.966.021.967 | 6.662.075,61 | 15.455,55 | 362,26 |
| 28 | 10/06/2021 | 100.055.508.241 | 6.668.127,69 | 15.005,04 | (450,51) |
| 29 | 17/06/2021 | 101.567.912.331 | 6.673.859,68 | 15.218,77 | 213,73 |
| 30 | 24/06/2021 | 102.457.614.332 | 6.674.763,07 | 15.350,00 | 131,23 |
| 31 | 30/06/2021 | 103.482.821.810 | 6.679.793,63 | 15.491,92 | 141,92 |
| 32 | 01/07/2021 | 103.946.652.603 | 6.679.793,63 | 15.561,36 | 69,44 |
| 33 | 08/07/2021 | 102.174.163.992 | 6.681.608,60 | 15.291,85 | (269,51) |
| 34 | 15/07/2021 | 98.813.934.944 | 6.646.930,58 | 14.866,10 | (425,75) |
| 35 | 22/07/2021 | 99.960.074.864 | 6.648.941,35 | 15.033,98 | 167,88 |
| 36 | 29/07/2021 | 101.757.752.114 | 6.650.825,77 | 15.300,02 | 266,04 |
| 37 | 31/07/2021 | 102.965.857.271 | 6.648.441,80 | 15.487,22 | 187,20 |
| 38 | 05/08/2021 | 104.268.836.082 | 6.648.441,80 | 15.683,20 | 195,98 |
| 39 | 12/08/2021 | 104.196.353.095 | 6.646.033,36 | 15.677,98 | (5,22) |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| Kỳ | Tại ngày tính NAV | Năm kết thúc ngày 31/12/2021 | | | |
|--|-------------------|------------------------------------|--------------------------------|--|------------------------------|
| | | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1] | Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ |
| 40 | 19/08/2021 | 105.293.016.759 | 6.642.762,48 | 15.850,79 | 172,81 |
| 41 | 26/08/2021 | 103.423.005.781 | 6.660.664,15 | 15.527,43 | (323,36) |
| 42 | 31/08/2021 | 104.725.927.122 | 6.662.821,17 | 15.717,96 | 190,53 |
| 43 | 02/09/2021 | 105.232.179.763 | 6.662.821,17 | 15.793,94 | 75,98 |
| 44 | 09/09/2021 | 106.074.491.595 | 6.662.821,17 | 15.920,36 | 126,42 |
| 45 | 16/09/2021 | 107.008.215.406 | 6.664.215,97 | 16.057,13 | 136,77 |
| 46 | 23/09/2021 | 107.085.085.456 | 6.683.773,68 | 16.021,65 | (35,48) |
| 47 | 30/09/2021 | 107.158.735.460 | 6.693.695,05 | 16.008,91 | (12,74) |
| 48 | 07/10/2021 | 106.447.858.272 | 6.699.209,78 | 15.889,61 | (119,30) |
| 49 | 14/10/2021 | 108.986.597.231 | 6.704.188,36 | 16.256,49 | 366,88 |
| 50 | 21/10/2021 | 109.979.804.773 | 6.764.714,44 | 16.257,86 | 1,37 |
| 51 | 28/10/2021 | 112.225.233.835 | 6.772.669,38 | 16.570,31 | 312,45 |
| 52 | 31/10/2021 | 112.189.191.597 | 6.790.574,83 | 16.521,31 | (49,00) |
| 53 | 04/11/2021 | 112.270.369.215 | 6.790.574,83 | 16.533,26 | 11,95 |
| 54 | 11/11/2021 | 97.783.147.319 | 5.950.275,69 | 16.433,38 | (99,88) |
| 55 | 18/11/2021 | 99.191.324.290 | 5.977.092,75 | 16.595,25 | 161,87 |
| 56 | 25/11/2021 | 118.236.790.845 | 7.054.920,98 | 16.759,48 | 164,23 |
| 57 | 30/11/2021 | 116.590.747.272 | 7.053.358,36 | 16.529,82 | (229,66) |
| 58 | 02/12/2021 | 116.805.854.447 | 7.053.358,36 | 16.560,32 | 30,50 |
| 59 | 09/12/2021 | 116.699.539.697 | 7.070.149,18 | 16.505,95 | (54,37) |
| 60 | 16/12/2021 | 117.954.088.710 | 7.072.178,95 | 16.678,61 | 172,66 |
| 61 | 23/12/2021 | 116.774.328.898 | 7.101.549,44 | 16.443,50 | (235,11) |
| 62 | 30/12/2021 | 117.050.876.167 | 7.102.542,16 | 16.480,14 | 36,64 |
| 63 | 31/12/2021 | 117.220.725.865 | 7.071.151,75 | 16.577,32 | 97,18 |
| ▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm | | | | 100.918.146.011 | |
| ▪ Biến động NAV/1CCQ trong năm ở mức cao nhất | | | | | (1.081,61) |
| ▪ Biến động NAV/1CCQ trong năm ở mức thấp nhất | | | | | (0,14) |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| Kỳ | Tại ngày tính NAV | Năm kết thúc ngày 31/12/2020 | | | |
|----|-------------------|------------------------------------|--------------------------------|--|------------------------------|
| | | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1] | Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2] | NAV/ICCG tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | Tăng/(giảm) NAV/ICCG VND/CCQ |
| | 31/12/2019 | 75.406.769.302 | 6.327.132,85 | 11.918,00 | |
| 1 | 02/01/2020 | 75.677.949.115 | 6.327.132,85 | 11.960,86 | 42,86 |
| 2 | 09/01/2020 | 75.098.864.568 | 6.327.132,85 | 11.869,34 | (91,52) |
| 3 | 16/01/2020 | 74.879.228.359 | 6.327.132,85 | 11.834,62 | (34,72) |
| 4 | 23/01/2020 | 75.100.375.709 | 6.343.947,92 | 11.838,11 | 3,49 |
| 5 | 30/01/2020 | 74.014.386.936 | 6.343.947,92 | 11.666,93 | (171,18) |
| 6 | 31/01/2020 | 72.802.753.607 | 6.343.947,92 | 11.475,94 | (190,99) |
| 7 | 06/02/2020 | 73.141.166.774 | 6.343.947,92 | 11.529,28 | 53,34 |
| 8 | 13/02/2020 | 73.233.938.142 | 6.343.947,92 | 11.543,91 | 14,63 |
| 9 | 20/02/2020 | 73.665.268.710 | 6.343.947,92 | 11.611,90 | 67,99 |
| 10 | 27/02/2020 | 72.803.190.373 | 6.343.947,92 | 11.476,01 | (135,89) |
| 11 | 29/02/2020 | 72.061.610.674 | 6.343.947,92 | 11.359,11 | (116,90) |
| 12 | 05/03/2020 | 72.816.072.851 | 6.343.947,92 | 11.478,04 | 118,93 |
| 13 | 12/03/2020 | 66.651.119.729 | 6.343.947,92 | 10.506,25 | (971,79) |
| 14 | 19/03/2020 | 64.558.329.583 | 6.343.947,92 | 10.176,37 | (329,88) |
| 15 | 26/03/2020 | 63.302.657.735 | 6.343.947,92 | 9.978,43 | (197,94) |
| 16 | 31/03/2020 | 61.430.562.180 | 6.343.947,92 | 9.683,33 | (295,10) |
| 17 | 02/04/2020 | 62.393.631.421 | 6.343.947,92 | 9.835,14 | 151,81 |
| 18 | 09/04/2020 | 65.304.754.677 | 6.343.947,92 | 10.294,02 | 458,88 |
| 19 | 16/04/2020 | 66.702.723.841 | 6.343.947,92 | 10.514,39 | 220,36 |
| 20 | 23/04/2020 | 66.784.301.560 | 6.343.947,92 | 10.527,25 | 12,86 |
| 21 | 30/04/2020 | 67.040.687.952 | 6.343.947,92 | 10.567,66 | 40,41 |
| 22 | 07/05/2020 | 68.258.843.612 | 6.343.947,92 | 10.759,68 | 192,02 |
| 23 | 14/05/2020 | 70.709.301.399 | 6.343.947,92 | 11.145,95 | 386,27 |
| 24 | 21/05/2020 | 70.916.861.291 | 6.343.947,92 | 11.178,66 | 32,72 |
| 25 | 28/05/2020 | 70.684.908.888 | 6.343.947,92 | 11.142,10 | (36,56) |
| 26 | 31/05/2020 | 70.600.776.537 | 6.343.947,92 | 11.128,84 | (13,26) |
| 27 | 04/06/2020 | 71.711.281.124 | 6.343.947,92 | 11.303,89 | 175,05 |
| 28 | 11/06/2020 | 70.878.827.403 | 6.327.023,40 | 11.202,55 | (101,33) |
| 29 | 18/06/2020 | 70.374.939.140 | 6.327.023,40 | 11.122,91 | (79,64) |
| 30 | 25/06/2020 | 70.484.107.730 | 6.307.122,90 | 11.175,32 | 52,41 |
| 31 | 30/06/2020 | 69.608.789.317 | 6.307.122,90 | 11.036,54 | (138,78) |
| 32 | 02/07/2020 | 70.068.032.417 | 6.307.122,90 | 11.109,35 | 72,81 |
| 33 | 10/07/2020 | 71.595.247.032 | 6.307.122,90 | 11.351,49 | 242,14 |
| 34 | 17/07/2020 | 71.720.952.639 | 6.307.122,90 | 11.371,42 | 19,93 |
| 35 | 23/07/2020 | 70.999.505.657 | 6.307.122,90 | 11.257,04 | (114,38) |
| 36 | 30/07/2020 | 68.262.589.854 | 6.307.122,90 | 10.823,09 | (433,95) |
| 37 | 31/07/2020 | 67.829.845.982 | 6.307.122,90 | 10.754,48 | (68,61) |
| 38 | 06/08/2020 | 69.673.333.438 | 6.307.122,90 | 11.046,77 | 292,29 |
| 39 | 13/08/2020 | 70.541.523.644 | 6.307.122,90 | 11.184,42 | 137,65 |
| 40 | 20/08/2020 | 70.488.088.140 | 6.307.122,90 | 11.175,95 | (8,47) |
| 41 | 28/08/2020 | 72.218.938.129 | 6.307.122,90 | 11.450,38 | 274,43 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| Kỳ | Tại ngày tính NAV | Năm kết thúc ngày 31/12/2020 | | NAV/1CCQ | Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ |
|---|-------------------|---|---|--|------------------------------------|
| | | Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1] | Số lượng Chứng chỉ quỹ CCQ [2] | tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2] | |
| 42 | 31/08/2020 | 72.305.035.236 | 6.307.122,90 | 11.464,03 | 13,65 |
| 43 | 03/09/2020 | 73.076.225.869 | 6.307.122,90 | 11.586,30 | 122,27 |
| 44 | 10/09/2020 | 72.577.413.073 | 6.307.122,90 | 11.507,21 | (79,09) |
| 45 | 17/09/2020 | 73.385.186.136 | 6.307.122,90 | 11.635,29 | 128,08 |
| 46 | 24/09/2020 | 74.362.424.463 | 6.307.697,29 | 11.789,16 | 153,87 |
| 47 | 30/09/2020 | 74.721.154.113 | 6.307.697,29 | 11.846,03 | 56,87 |
| 48 | 01/10/2020 | 75.230.903.657 | 6.307.697,29 | 11.926,84 | 80,81 |
| 49 | 08/10/2020 | 75.483.135.043 | 6.307.697,29 | 11.966,83 | 39,99 |
| 50 | 15/10/2020 | 75.881.471.342 | 6.307.697,29 | 12.029,98 | 63,15 |
| 51 | 22/10/2020 | 77.277.519.361 | 6.308.110,84 | 12.250,50 | 220,52 |
| 52 | 29/10/2020 | 72.134.219.578 | 6.308.110,84 | 11.435,15 | (815,35) |
| 53 | 31/10/2020 | 72.472.805.155 | 6.308.110,84 | 11.488,83 | 53,68 |
| 54 | 05/11/2020 | 73.374.169.633 | 6.308.110,84 | 11.631,72 | 142,89 |
| 55 | 12/11/2020 | 74.668.370.480 | 6.308.110,84 | 11.836,88 | 205,16 |
| 56 | 19/11/2020 | 75.870.058.808 | 6.308.110,84 | 12.027,38 | 190,50 |
| 57 | 26/11/2020 | 78.772.036.307 | 6.517.717,85 | 12.085,83 | 58,45 |
| 58 | 30/11/2020 | 79.103.384.643 | 6.517.717,85 | 12.136,67 | 50,84 |
| 59 | 03/12/2020 | 80.156.926.981 | 6.517.717,85 | 12.298,31 | 161,64 |
| 60 | 10/12/2020 | 80.266.002.237 | 6.512.955,34 | 12.324,05 | 25,74 |
| 61 | 17/12/2020 | 81.446.799.235 | 6.512.955,34 | 12.505,35 | 181,30 |
| 62 | 24/12/2020 | 81.988.397.682 | 6.512.955,34 | 12.588,51 | 83,16 |
| 63 | 31/12/2020 | 83.573.284.315 | 6.512.955,34 | 12.831,85 | 243,34 |
| <ul style="list-style-type: none"> ▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm ▪ Biến động NAV/1CCQ trong năm ở mức cao nhất ▪ Biến động NAV/1CCQ trong năm ở mức thấp nhất | | | | 72.305.034.781 (971,79) 3,49 | |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

20. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác

(a) Giao dịch với các bên liên quan

(i) Các bên liên quan

Trong năm, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt – Công ty Quản lý Quỹ

| | 2021 VND | 2020 VND |
|-------------------------------|---------------|---------------|
| Giá dịch vụ quản lý Quỹ | 906.572.973 | 651.608.483 |
| Mua Chứng chỉ Quỹ | | |
| <i>Số lượng Chứng chỉ Quỹ</i> | 989.289,10 | 209.193,38 |
| <i>Giá trị theo mệnh giá</i> | 9.892.891.000 | 2.091.933.800 |
| <i>Thặng dư vốn</i> | 6.524.609.000 | 424.114.562 |
| Bán Chứng chỉ Quỹ | | |
| <i>Số lượng Chứng chỉ Quỹ</i> | 850.000,00 | - |
| <i>Giá trị theo mệnh giá</i> | 8.500.000.000 | - |
| <i>Thặng dư vốn</i> | 5.553.271.000 | - |

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận giá dịch vụ quản lý Quỹ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá (2020: 0,9% một năm). Giá dịch vụ quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ kế toán năm để đảm bảo tổng giá dịch vụ quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------|-------------|-------------|
| Phí môi giới | 7.645.118 | 22.811.611 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt là một trong các công ty chứng khoán của Quỹ và là đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả Công ty Chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)**Ngân hàng TMCP Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ**

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------|-------------|---------------|
| Thu nhập từ lãi tiền gửi | 994.517.888 | 1.162.127.695 |
| Phí ngân hàng | 3.012.884 | - |

Ban Đại diện Quỹ

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------|-------------|-------------|
| Thù lao Ban Đại diện Quỹ | 72.000.000 | 72.000.000 |

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao cho thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ mà các bên liên quan nắm giữ

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | 31/12/2021 | 31/12/2020 |
|---|---|------------|------------|
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Bản Việt | Công ty Quản lý Quỹ | 84,562% | 89,671% |
| Nguyễn Thanh Phương | Chủ tịch HĐQT | 5,596% | 6,075% |
| Cung Trần Việt và các bên liên quan | Thành viên Ban Đại Diện Quỹ VCAMBF/Thành viên HĐQT | 0,000% | 0,775% |
| Nguyễn Thị Ngọc Diệp | Trưởng Ban Kiểm Soát | 0,141% | 0,153% |
| Nguyễn Thanh Tú | Thành viên Ban Kiểm Soát Nội Bộ | 0,141% | 0,153% |
| Nguyễn Thị Ngọc Mỹ và các bên liên quan | Thành Viên Ban Kiểm Soát | 0,116% | 0,127% |
| Khúc Thị Kiều và các bên liên quan | Kế Toán Trưởng | 0,035% | 0,038% |
| Phạm Gia Tuấn và các bên liên quan | Thành viên HĐQT | 0,011% | 0,012% |
| | | 90,60% | 97,00% |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Các hợp đồng then chốt khác

Giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Ngân hàng Giám sát

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--------------------------------|-------------|-------------|
| Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán | 240.000.000 | 240.000.000 |
| Giá dịch vụ quản trị Quỹ | 198.000.000 | 198.000.000 |
| Thu nhập lãi | - | 96.870.201 |
| Giá dịch vụ giám sát | 66.000.000 | 66.000.000 |
| Phí giao dịch chứng khoán | 71.348.450 | 55.732.192 |
| Phí ngân hàng | 5.801.950 | 6.427.025 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 581.150.400 | 663.012.802 |

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ giám sát tài sản và giá dịch vụ quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

| Dịch vụ | Biểu phí |
|--|---|
| Giám sát (đã bao gồm VAT) | <ul style="list-style-type: none">0,02% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ giám sát tối thiểu là 5.500.000 VND mỗi tháng. |
| Lưu ký chứng khoán (không chịu VAT) | <ul style="list-style-type: none">0,06% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ lưu ký tối thiểu là 20.000.000 VND mỗi tháng. |
| Quản trị quỹ (đã bao gồm VAT) | <ul style="list-style-type: none">0,03% trên NAV mỗi năm;Mức giá dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu là 16.500.000 VND mỗi tháng. |

Các giá dịch vụ trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí và giá dịch vụ trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

| Dịch vụ | Biểu phí |
|----------------------------------|--|
| Giao dịch mua/bán chứng khoán | <ul style="list-style-type: none">0,03% trên tổng giá trị giao dịch;Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công. |
| Trái phiếu | <ul style="list-style-type: none">0,01% trên tổng giá trị giao dịch;Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công. |
| Các khoản đầu tư khác | <ul style="list-style-type: none">100.000 VND mỗi ngày phát sinh giao dịch. |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)**(b) Số dư với các bên liên quan**

| | 31/12/2021 | 31/12/2020 |
|---|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Công ty Quản lý Quỹ | | |
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt | | |
| Giá dịch vụ quản lý quỹ phải trả | 89.532.424 | 62.264.313 |
| Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ | 5.979.533,44 | 5.840.244,34 |
| Phải trả phí phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ | 10.308.570 | 292.854 |
| Ngân hàng giám sát | | |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa | | |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ | 5.656.890.237 | 9.039.602.490 |
| Phí lưu ký chứng khoán phải trả | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Phí quản trị Quỹ phải trả | 16.500.000 | 16.500.000 |
| Phí giám sát Quỹ phải trả | 5.500.000 | 5.500.000 |
| Giá giao dịch chứng khoán phải trả | 946.200 | 2.370.115 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Ngân hàng TMCP Bản Việt | | |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng | 17.234.721.735 | 9.920.970.761 |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng | 9.559.221.911 | 10.519.708.406 |
| Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn | 262.593.325 | 126.240.028 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt | | |
| Trái phiếu không niêm yết | 7.000.000.000 | - |
| Ban Đại diện Quỹ | | |
| Trích trước thù lao Ban Đại diện Quỹ | 16.200.000 | 16.200.000 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

21. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở

| | 2021 | 2020 |
|--|-------------|-------------|
| I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư | | |
| 1 Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong năm (%) | 0,90% | 0,90% |
| 2 Giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong năm (%) | 0,38% | 0,51% |
| 3 Giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong năm (%) | 0,33% | 0,46% |
| 4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong năm (%) | 0,13% | 0,17% |
| 5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong năm (%) | 0,07% | 0,10% |
| 6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong năm (%) | 1,82% | 2,15% |
| 7 Tốc độ vòng quay danh mục trong năm = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/ NAV trung bình trong năm (lần) | 1,13 | 1,23 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

| | 2021 | 2020 |
|---|------------------|------------------|
| II Các chỉ tiêu khác | | |
| 1 Quy mô Quỹ đầu năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ) | | |
| Tổng giá trị Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành đầu năm | 65.129.553.452 | 63.271.328.552 |
| Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu năm | 6.512.955,34 | 6.327.132,85 |
| 2 Thay đổi quy mô Quỹ trong năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ) | | |
| Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong năm | 1.623.477,88 | 227.410,02 |
| Giá trị vốn góp phát hành thêm trong năm (theo mệnh giá) | 16.234.778.800 | 2.274.100.200 |
| Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong năm | (1.065.281,47) | (41.587,53) |
| Giá trị vốn góp mua lại trong năm khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá) | (10.652.814.700) | (415.875.300) |
| 3 Quy mô Quỹ cuối năm (tính theo mệnh giá Chứng chỉ Quỹ) | | |
| Tổng giá trị Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành cuối năm | 70.711.517.552 | 65.129.553.452 |
| Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối năm | 7.071.151,75 | 6.512.955,34 |
| 4 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối năm | | |
| | 90,60% | 97,00% |
| 5 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối năm | | |
| | 96,03% | 98,15% |
| 6 Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối năm | | |
| | 0,139% | 0,15% |
| 7 Số Nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối năm | | |
| | 157 | 115 |
| 8 NAV/đơn vị quỹ cuối năm | | |
| | 16.577,32 | 12.831,85 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

22. Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và tiền gửi có kỳ hạn. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu và các khoản phải thu.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành bởi một doanh nghiệp uy tín. Ban đại diện Quỹ cho rằng sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp này.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại các ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B06 – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

| | 31/12/2021 VND | 31/12/2020 VND |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | 22.891.611.972 | 18.960.573.251 |
| Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết | 7.000.000.000 | 5.016.931.507 |
| Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng | 14.603.331.500 | 10.519.708.406 |
| Phải thu về bán các khoản đầu tư | 2.501.342.350 | 3.938.866.824 |
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 662.487.837 | 206.500.936 |
| | 47.658.773.659 | 38.642.580.924 |

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu là chứng khoán niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Các chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành bởi một doanh nghiệp uy tín và có thời gian đáo hạn ngắn. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền trước chiết khấu VND | Không quá 1 năm VND |
|--|-------------------------------------|---|--------------------------------------|
| Phải trả để mua các khoản đầu tư | 649.873.350 | 649.873.350 | 649.873.350 |
| Phải trả cho các Đại lý phân phối | | | |
| Chứng chỉ Quỹ | 10.308.570 | 10.308.570 | 10.308.570 |
| Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư | 407.334 | 407.334 | 407.334 |
| Chi phí phải trả | 96.200.000 | 96.200.000 | 96.200.000 |
| Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ | 4.000.000 | 4.000.000 | 4.000.000 |
| Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại | | | |
| Chứng chỉ quỹ | 617.248.553 | 617.248.553 | 617.248.553 |
| Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ | 143.478.624 | 143.478.624 | 143.478.624 |
| | 1.521.516.431 | 1.521.516.431 | 1.521.516.431 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

| Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | Giá trị ghi sổ VND | Dòng tiền trước chiết khấu VND | Không quá 1 năm VND |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|---------------------------|
| Phải trả để mua các khoản đầu tư | 3.961.533.400 | 3.961.533.400 | 3.961.533.400 |
| Phải trả cho các Đại lý phân phối | | | |
| Chứng chỉ Quỹ | 292.854 | 292.854 | 292.854 |
| Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư | 325.356 | 325.356 | 325.356 |
| Chi phí phải trả | 86.200.000 | 86.200.000 | 86.200.000 |
| Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ | 117.634.428 | 117.634.428 | 117.634.428 |
| | <hr/> | <hr/> | <hr/> |
| | 4.165.986.038 | 4.165.986.038 | 4.165.986.038 |

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết hưởng lãi suất cố định và có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là VND cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

(iii) Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán niêm yết. Các chứng khoán niêm yết sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 71.084.739.100 VND (31/12/2020: 49.097.348.000 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (31/12/2020: 10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 7.108.473.910 VND (31/12/2020: 4.909.734.800 VND).

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC

ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(d) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

| | 31/12/2021 | | 31/12/2020 | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá trị hợp lý VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| <i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i> | | | | |
| ▪ Cổ phiếu niêm yết | 71.084.739.100 | 71.084.739.100 | 49.097.348.000 | 49.097.348.000 |
| <i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i> | | | | |
| ▪ Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 | 5.016.931.507 | 5.016.931.507 |
| ▪ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng | 14.603.331.500 | 14.603.331.500 | 10.519.708.406 | 10.519.708.406 |
| <i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i> | | | | |
| ▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền | 22.891.611.972 | 22.891.611.972 | 18.960.573.251 | 18.960.573.251 |
| ▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư | 2.501.342.350 | 2.501.342.350 | 3.938.866.824 | 3.938.866.824 |
| ▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư | 662.487.837 | 662.487.837 | 206.500.936 | 206.500.936 |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| <i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị phân bổ</i> | | | | |
| ▪ Phải trả để mua các khoản đầu tư | 649.873.350 | 649.873.350 | 3.961.533.400 | 3.961.533.400 |
| ▪ Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ | 10.308.570 | 10.308.570 | 292.854 | 292.854 |
| ▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư | 407.334 | 407.334 | 325.356 | 325.356 |
| ▪ Chi phí phải trả | 96.200.000 | 96.200.000 | 86.200.000 | 86.200.000 |
| ▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ | 4.000.000 | 4.000.000 | - | - |
| ▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ | 617.248.553 | 617.248.553 | - | - |
| ▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ | 143.478.624 | 143.478.624 | 117.634.428 | 117.634.428 |

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B06 – QM

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo giá mua cộng lãi lũy kế.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của chúng do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

23. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính này không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Quỹ và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm kết thúc cùng ngày.

24. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 25 tháng 3 năm 2022.

Ngày 25 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Trần Đỗ Quyên
Trưởng bộ phận Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều
Kế toán trưởng



Ông Phạm Pho Hop
Tổng Giám đốc



